TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** **TỈNH QU** Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST Ngày: 07- 7- 2025 V/v: *"Ly hôn, giải quyết nuôi con chung"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 TỈNH QU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - *Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thủy và bà Trần Thị Huyện.

Thư ký phiên toà: Ông Ngô Đình Tú - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11, tỉnh Qu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Qu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 07-7-2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11, tỉnh Qu , xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 60/2025/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025, về việc *"Ly hôn, và giải quyết nuôi con chung"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05-6-2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20-6-2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Y H; sinh năm 1992; Địa chỉ : Thôn N, xã D, tỉnh Qu. (Có mặt);

Bị đơn: Anh Lê Văn M; sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn 4, xã B, tỉnh Qu. (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn**: Chị Y H trình bày và yêu cầu như sau:

+ Về hôn nhân: Tôi kết hôn với anh Lê Văn M vào ngày 18/5/2012 tại UBND xã Đ, huyện Ng, tỉnh K (nay là xã D, tỉnh Qu). Kết hôn là tự nguyện, trước khi kết hôn anh M sống với bố mẹ tại thôn 4 thị trấn P, huyện Ng (nay là thôn 4 xã B tỉnh Qu), sau khi kết hôn anh M theo tôi về chung sống tại nhà mẹ đẻ tôi tại thôn N xã Đ, Ng (nay là thôn N, xã D, tỉnh Qu), chúng tôi sống hạnh phúc được 03 năm đầu, sau đó hai vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, chồng tôi đánh tôi bất kể là có chuyện gì, không phân đúng sai. Đến cuối năm 2015 sau khi đánh tôi gây thương tích thì anh M bỏ nhà đi, tôi không biết đi đâu, nhưng

tôi nghe mấy người quen nói anh M thỉnh thoảng chỉ về thôn 4 thị trấn P, Ng (nay là thôn 4 xã B tỉnh Qu), chơi bời, ăn nhậu tại nhà bố mẹ đẻ và nhà bạn bè ở đó nhưng lại không về nhà nơi tôi và con đang sinh sống nữa. Cũng từ năm 2015 chúng tôi sống ly thân với nhau, không ai quan tâm đến ai nữa, không ai đi tìm nhau, tôi tự lo cuộc sống của mình, tôi cũng không còn tình cảm với chồng nữa nên xin Tòa cho tôi được ly hôn với anh M vì mục đích của hôn nhân không đạt được.

+ Về con chung: Chúng tôi có một con chung tên là Lê Văn H, sinh ngày 19/7/2010 con đang ở với tôi, tôi xin được nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn** là anh Lê Văn M không lên tòa án để giải quyết vụ án xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về việc nuôi con chung nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án, mặc dù Tòa án đã niêm yết các văn bản theo đúng trình tự tố tụng, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ hay yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ gì.

Tại phiên tòa: Chị Y H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Văn M và nhận nuôi con chung, không yêu cầu anh Lê Văn M cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát: Tòa án nhân dân khu vực 11 tỉnh Qu thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; thẩm phán, các hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án tuân thủ và thực hiện đúng theo qui định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành việc tham gia tố tụng tại Tòa; Bị đơn vắng mặt tại tòa án nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa; Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá mâu thuẫn giữa anh Lê Văn M và chị Y H ở mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Y H được ly hôn với anh Lê Văn M theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Về con chung: Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận chị Y H được quyền nuôi dưỡng 01 con chung là Lê Văn H, sinh ngày 19/7/2010 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động và tự lập được. chị Y H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị Y H yêu cầu xin ly hôn, nên chị Y H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án xác định quan hệ pháp luật về việc " Xin ly hôn và giải quyết về việc nuôi con chung", Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo vụ việc, lãnh thổ. Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt tại địa phương chỉ thỉnh thoảng về nhà bố mẹ và bạn bè ở thôn 4, xã B, tỉnh Qu chơi mà không về nhà nơi vợ con sinh sống, còn bị đơn ở nơi đâu không rõ địa chỉ. Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản theo trình tự tố tụng, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Như vậy bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Y H và anh Lê Văn M đăng ký kết hôn với nhau tại ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Ng, tỉnh K (nay là ủy ban nhân dân xã D, tỉnh Qu) vào ngày 18/5/2012, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng qui định, hôn nhân giữa anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Do cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn, nên chị Y H xin ly hôn với anh Lê Văn M. bị đơn vắng mặt tại Tòa án không tham gia tố tụng nên Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản theo đúng trình tự tố tụng để anh Lê Văn M tham gia với tư cách là bị đơn, nhưng anh Lê Văn M không tham gia tố tụng tại Tòa án, vắng mặt không có lý do và tự từ bỏ quyền lợi của mình. Mặt khác chị Y H kiên quyết xin ly hôn với anh Lê Văn M vì cuộc sống chung không có hạnh phúc, do anh Mai bỏ đi nên hai người đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau, không ai muốn hàn gắn lại mối hôn nhân này, ai cũng có cuộc sống riêng, chị Y H không còn tình cảm với chồng, viết đơn xin Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải nữa. Xét thấy không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh Lê Văn M và chị Y H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Y H theo Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình là đúng quy định của Pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Y H đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là Lê Văn H, sinh ngày 19/7/2010 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động và tự lập được. Hội đồng xét xử thấy rằng: Xét về điều kiện và khả năng nuôi con của chị Y H được đảm bảo, hiện nay con đang ở với chị Y H, công việc và có thu nhập ổn định. Anh M bỏ nhà đi nhiều năm không quan tâm đến con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con cho chị Y H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành và có khả năng lao động là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị Y H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Y H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội

đồng xét xử không xem xét.

[**5] Về án phí**: Chị Y H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

[**6**] Tại phiên tòa kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 144 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền kháng cáo:

Tuyên xử:

***1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:**

***- Về quan hệ hôn nhân*:** Chị Y H được ly hôn với anh Lê Văn M . Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn M và chị Y H chấm dứt kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con là Lê Văn H, sinh ngày 19/7/2010 cho chị Y H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được. Chị Y H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở, cấm đoán.

***2.* Về án phí** : Chị Y H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Chị Y H được chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí sang tiền án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002214 ngày 29-4-2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 tỉnh Qu.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Y H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/7/2025); Anh Lê Văn M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở ủy ban nhân dân xã D, tỉnh Qu.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Qu;
- UBND xã D tỉnh Qu
- VKSND khu vực 11, Qu;
- Phòng THADS khu vực 11 Qu;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Kim Oanh